

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **2916**/SVHTT-QLTDTT

Hà Nội, ngày **23** tháng **10** năm 2020

V/v báo cáo đánh giá phong trào TDTT  
quần chúng và Tổng kết cuộc vận động  
“Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương  
Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn 2012-2020

Kính gửi: UBND các quận, huyện, thị xã thành phố Hà Nội.

Thực hiện Thông tư số 01/2019/TT-BVHTTDL ngày 17/01/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc quy định về đánh giá phong trào Thể dục thể thao quần chúng; Kế hoạch số 3659/KH-BVHTTDL ngày 06/10/2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc Tổng kết Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn 2012-2020. Để kịp thời tham mưu UBND thành phố báo cáo kết quả về Tổng cục Thể dục thể thao; Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội đề nghị UBND các quận, huyện, thị xã, phối hợp triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn rà soát, thống kê các số liệu theo quy định và gửi báo cáo UBND quận, huyện, thị xã.

2. Chỉ đạo phòng Văn hóa Thông tin các quận, huyện, thị xã tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát thống kê của các xã, phường, thị trấn và hoàn thiện báo cáo của cấp quận, huyện, thị xã báo cáo thành phố (gửi kèm đề cương báo cáo và phụ lục thống kê).

Báo cáo gửi về Sở Văn hóa và Thể thao qua Phòng Quản lý TDTT, Số 47 Hàng Dầu, Hoàn Kiếm, Hà Nội (email: [pqltdtt\\_sovhtt@hanoi.gov.vn](mailto:pqltdtt_sovhtt@hanoi.gov.vn)) trước ngày 10/11/2020 để tổng hợp báo cáo UBND Thành phố, Tổng cục Thể dục Thể thao theo quy định. Thông tin liên hệ: Đ/c Giang Diệu Thúy – Phó Trưởng phòng Quản lý TDTT, Sở Văn hóa và Thể thao, SĐT: 0914 802 350.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như đề gửi;
- BGĐ Sở (để b/c);
- Phòng VHTT q,h,tx;
- Lưu: VT, QLTDTT.

KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Thị Vân Anh

## **ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

### **Tổng kết Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn 2012- 2020.**

*(Kèm theo Kế hoạch số: 3659/KH-BVHTTDL ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

#### **Phần thứ nhất**

### **TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CUỘC VẬN ĐỘNG**

#### **I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI**

Cần nêu rõ những thuận lợi, khó khăn và những điều kiện sẵn có của địa phương, ngành trong quá trình triển khai cuộc vận động. Đánh giá vai trò, trách nhiệm, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền đối với công tác triển khai Cuộc vận động.

#### **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

Phân tích, đánh giá kết quả đạt được trong thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, sự chuyển biến về nhận thức của cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành, các đoàn thể và nhân dân, các chỉ tiêu đạt được theo kế hoạch đề ra, có số liệu so sánh với kết quả trước khi triển khai Cuộc vận động.

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến về quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan về phát triển sự nghiệp thể dục thể thao đến các cấp, các ngành đoàn thể và nhân dân

2. Xây dựng các văn bản chỉ đạo, chương trình, kế hoạch triển khai, hướng dẫn tổ chức hoạt động thể dục thể thao quần chúng thực hiện theo Cuộc vận động.

3. Công tác biên soạn, tuyên truyền và phổ biến các tài liệu hướng dẫn phương pháp luyện tập thể dục thể thao, tổ chức các hình thức tập luyện và thi đấu thể thao trong các cấp, các ngành, đoàn thể và toàn xã hội, công tác phát triển các câu lạc bộ TDTT cơ sở tại các khu dân cư, cơ quan, doanh nghiệp, khu chế xuất, đơn vị, trường học...

4. Công tác xây dựng, củng cố và phát triển hệ thống thiết chế về thể dục thể thao quần chúng tại các cấp, số lượng cơ sở vật chất được xây mới, sửa chữa nâng cấp, các mô hình điểm về TDTT cơ sở.

5. Chất lượng dạy và học thể dục chính khoá, phát triển thể dục thể thao ngoại khoá. Cải tiến nội dung, phương pháp giảng dạy, phát triển các loại hình câu lạc bộ thể thao trường học...

6. Công tác rèn luyện thân thể và hoạt động thể dục thể thao đối với cán bộ, chiến sỹ trong lực lượng vũ trang.

7. Về công tác xã hội hoá đối với các hoạt động thể dục thể thao.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

1. Đánh giá chung về kết quả đạt được

2. Những hạn chế, tồn tại

3. Nguyên nhân

4. Những bài học kinh nghiệm

### **IV. BẢNG BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU (Phụ lục kèm theo)**

#### **Phần thứ hai**

### **PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP GIAI ĐOẠN 2021-2030**

#### **I. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU**

Căn cứ tình hình kinh tế - xã hội, các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển TDTT giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và kết quả triển khai Cuộc vận động giai đoạn 2012 – 2020 để đề ra phương hướng và mục tiêu, chỉ tiêu Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn 2021-2030 của địa phương, đơn vị.

#### **II. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP:**

Nêu rõ những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể có tính khả thi, cụ thể về:

- Công tác tham mưu cho các cấp uỷ đảng, chính quyền trong triển khai các nội dung nhằm đẩy mạnh Cuộc vận động trong thời kỳ tới.

- Công tác quản lý nhà nước về thể dục thể thao

- Quy hoạch, kế hoạch phát triển thể dục thể thao quần chúng của địa phương, ngành giai đoạn 2021-2030.

#### **III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

1. Kiến nghị, đề xuất đối với các cấp, các ngành về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cần chỉ đạo thực hiện để phát triển sự nghiệp thể dục thể thao trong giai đoạn 2021-2030, những giải pháp để tháo gỡ những vấn đề còn tồn tại, hạn chế và tạo cơ chế, chính sách góp phần thúc đẩy cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn 2021-2030.

2. Kiến nghị, đề xuất đối với Chính phủ và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Các kiến nghị, đề xuất khác.

**Nơi nhận:**

- .....

- Lưu: tại đơn vị.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu)

**Phụ lục**  
**THÔNG KÊ SỐ LIỆU CUỘC VẬN ĐỘNG**  
*(Kèm theo công văn số: 2916 /SVHTT-QLTDTT ngày 23 tháng 10 năm 2020*  
*của Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội)*

**ĐƠN VỊ.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Tổng hợp chỉ tiêu phát triển thể dục, thể thao giai đoạn 2011-2020**

TT	NỘI DUNG	ĐVT	2011	2015	2020
<b>I.</b>	<b>Thể dục thể thao cho mọi người</b>				
<b>1.</b>	<b>Thể dục thể thao quần chúng</b>				
1.1	Tỷ lệ % số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên (số người tập/tổng dân số)	%			
1.2	Tỷ lệ % gia đình luyện tập thể dục thể thao (số gia đình luyện tập/tổng số hộ gia đình)	%			
1.3	Tổng số cộng tác viên thể dục thể thao cơ sở	Người			
1.4	Tổng số câu lạc bộ thể thao, trong đó:	Câu lạc bộ			
1.4.1	Tổng số câu lạc bộ thể thao hoạt động theo phương thức tự quản không nhằm mục đích kinh doanh (CLB thể thao xã, phường, cơ quan, đơn vị, trường học ...)	Câu lạc bộ			
-	Tổng số câu lạc bộ thể thao của người khuyết tật	Câu lạc bộ			
-	Tổng số câu lạc bộ thể thao của người cao tuổi	Câu lạc bộ			
1.4.2	Tổng cơ sở thể thao, số câu lạc bộ thể thao hoạt động theo phương thức kinh doanh dịch vụ thể thao.	Câu lạc bộ			
1.5	Tổng số giải thi đấu TDTT phong trào, trong đó:	Giải			
-	Tổng số giải phong trào cấp đơn vị, cơ sở (xã, phường, cơ quan, đơn vị tổ chức)	Giải			
-	Tổng số giải phong trào cấp huyện, quận	Giải			
1.6	Cơ sở vật chất, đất đai và công trình TDTT	Công trình			
1.6.1	Tổng số sân tập luyện TDTT, trong đó:	Sân			
-	Tổng số sân vận động có khán đài (có đường chạy)	Sân			
-	Tổng số sân vận động không có khán đài (có đường chạy)	Sân			
-	Tổng số Sân bóng đá 11 người	Sân			
-	Tổng số Sân bóng đá mi ni	Sân			

4

TT	NỘI DUNG	ĐVT	2011	2015	2020
-	Tổng số Sân bóng chuyên	Sân			
-	Tổng số Sân bóng rổ	Sân			
-	Tổng số Sân cầu lông	Sân			
-	Tổng số Sân quần vợt	Sân			
-	Tổng số các loại sân thể thao khác	Sân			
1.6.2	<i>Tổng số nhà tập luyện, thi đấu TDTT, trong đó:</i>	Nhà			
-	Nhà tập luyện, thi đấu đa năng	Nhà			
-	Nhà tập luyện đơn môn	Nhà			
1.6.3	<i>Tổng số bể bơi các loại, trong đó:</i>	Bể			
-	Tổng số bể bơi có chiều dài 50m	Bể			
-	Tổng số bể bơi có chiều dài 25m	Bể			
-	Tổng số bể bơi, hồ bơi đơn giản, bể bơi lắp ghép	Bể			
1.6.4	<i>Tổng số trường bắn</i>	Trường bắn			
1.6.5	<i>Tổng số công trình TDTT chia theo địa bàn, ngành, đoàn thể quản lý</i>				
-	Tổng số công trình thể dục thể thao cấp tỉnh	Công trình			
-	Tổng số công trình thể dục thể thao cấp huyện	Công trình			
-	Tổng số công trình thể dục thể thao cấp xã	Công trình			
-	Số Trung tâm văn hóa-thể thao cấp xã	Trung tâm			
-	Số Nhà văn hóa-khu thể thao cấp thôn	Nhà			
-	Tổng số công trình thuộc ngành Công an nhân	Công trình			
-	Tổng số công trình thuộc ngành Quân đội nhân dân	Công trình			
-	Tổng số công trình thuộc ngành GD-ĐT (cơ sở đào tạo)	Công trình			
-	Tổng số công trình thuộc ngành LĐTBXH (cơ sở giáo dục nghề nghiệp)	Công trình			
-	Tổng số công trình thuộc Liên đoàn lao động, đoàn thanh niên ...	Công trình			
1.6.6	Tỷ lệ % số xã, phường đã có quy hoạch đất cho TDTT	%			
1.6.7	Tỷ lệ bình quân m <sup>2</sup> đất cho TDTT/1 người dân tính chung toàn tỉnh	M <sup>2</sup>			
1.6.8	Tổng số công trình thể thao của tỉnh, thành phố được ngành giáo dục và ngành thể dục, thể thao phối hợp khai thác, sử dụng hiệu quả	Công trình			

TT	NỘI DUNG	ĐVT	2011	2015	2020
2	<b>Giáo dục thể chất, thể thao trường học</b>				
2.1	<b>Tổng số cơ sở đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>	Cơ sở			
2.1.1	Tổng số cơ sở giáo dục mầm non	Cơ sở			
2.1.2	Tổng số cơ sở giáo dục phổ thông	Cơ sở			
-	Tiểu học	Cơ sở			
-	Trung học cơ sở	Cơ sở			
-	Trung học phổ thông	Cơ sở			
-	Nhiều cấp học	Cơ sở			
2.1.3	Tổng số cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Cơ sở			
-	Tổng số TT giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên	Cơ sở			
-	Tổng số trường cao đẳng, trung cấp nghề	Cơ sở			
2.1.4	Tổng số cơ sở giáo dục Đại học	Cơ sở			
2.2	<b>Tổng số học sinh, sinh viên, trẻ em</b>	HSSV			
2.2.1	Tổng số trẻ giáo dục mầm non	Trẻ			
2.2.2	Tổng số học sinh giáo dục phổ thông	Học sinh			
-	Tiểu học	Học sinh			
-	Trung học cơ sở	Học sinh			
-	Trung học phổ thông	Học sinh			
-	Nhiều cấp học	Học sinh			
2.2.3	Tổng số HSSV cơ sở giáo dục nghề nghiệp	HSSV			
-	Tổng số HS TT giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên	Học sinh			
-	Tổng số HSSV cao đẳng, trung cấp nghề	HSSV			
2.2.4	Tổng số SV giáo dục Đại học	Sinh viên			
2.3	<b>Tổng số giáo viên thể dục</b>				
2.3.1	Tổng số giáo viên mầm non được bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng về giáo dục phát triển thể chất cho trẻ em	Giáo viên			
2.3.2	Tổng số giáo viên tiểu học bảo đảm tiêu chuẩn, trình độ đào tạo	Giáo viên			
2.3.3	Tổng số giáo viên tiểu học được bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất và tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa	Giáo viên			
2.3.4	Tổng số trường trung học cơ sở có đủ giáo viên thể dục	Trường			
2.3.5	Tổng số giáo viên trung học cơ sở đạt tiêu chuẩn và trình độ đào tạo	Giáo viên			
2.3.6	Tổng số giáo viên trung học cơ sở được bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất và tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa	Giáo viên			

TT	NỘI DUNG	ĐVT	2011	2015	2020
2.3.7	Tổng số trường trung học phổ thông có đủ giáo viên thể dục	Trường			
2.3.8	Tổng số giáo viên trung học phổ thông đạt tiêu chuẩn và trình độ đào tạo theo quy định	Giáo viên			
2.3.9	Tổng số giáo viên trung học phổ thông được bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất và tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa	Giáo viên			
2.3.10	Tổng số trường trung học phổ thông có nhiều cấp học có đủ giáo viên thể dục	Trường			
2.3.11	Tổng số giáo viên trung học phổ thông có nhiều cấp học đạt tiêu chuẩn và trình độ đào tạo	Giáo viên			
2.3.12	Tổng số giáo viên trung học phổ thông có nhiều cấp học được bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất và tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa	Giáo viên			
2.3.13	Tổng số cơ sở giáo dục nghề nghiệp có đủ giáo viên thể dục đảm bảo tiêu chuẩn và trình độ đào tạo	Cơ sở			
2.3.14	Tổng số cơ sở giáo dục đại học có đủ giáo viên thể dục đảm bảo tiêu chuẩn và trình độ đào tạo	Cơ sở			
2.4	<i>Cơ sở giáo dục đào tạo giáo viên TĐTT</i>				
2.4.1	Tổng số cơ sở giáo dục (trường đại học, cao đẳng) đào tạo giáo viên thể dục, thể thao	Cơ sở			
2.4.2	Tổng số cơ sở giáo dục (trường đại học, cao đẳng) đào tạo giáo viên thể dục, thể thao đảm bảo các cơ sở vật chất (nhà tập, sân tập) và các trang thiết bị tập luyện đạt tiêu chuẩn	Cơ sở			
2.5	<i>Chương trình giáo dục thể chất</i>				
2.5.1	Trong các cơ sở giáo dục mầm non				
-	Tỷ lệ cơ sở thực hiện đầy đủ nội dung, chương trình GDTC	%			
-	Tỷ lệ trẻ thực hiện đầy đủ nội dung, chương trình	%			
-	Tỷ lệ trẻ được đánh giá, phân loại thể lực theo quy định	%			
-	Tỷ lệ trẻ đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực theo quy định	%			
2.5.2	Trong các cơ sở giáo dục phổ thông				
-	Tỷ lệ cơ sở thực hiện đầy đủ nội dung, chương trình GDTC	%			
-	Tỷ lệ cơ sở đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá GDTC	%			
-	Tỷ lệ HS thực hiện đầy đủ nội dung, chương trình GDTC	%			

TT	NỘI DUNG	ĐVT	2011	2015	2020
-	Tỷ lệ HS được đánh giá, phân loại thể lực theo quy định	%			
-	Tỷ lệ HS đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực theo quy định	%			
2.5.3	Trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp				
-	Tỷ lệ cơ sở hiện đầy đủ nội dung, chương trình GDTC	%			
-	Tỷ lệ cơ sở đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá GDTC	%			
-	Tỷ lệ HSSV thực hiện đầy đủ nội dung, chương trình GDTC	%			
-	Tỷ lệ HSSV được đánh giá, phân loại thể lực theo quy định	%			
-	Tỷ lệ HSSV đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực theo quy định	%			
2.5.4	Trong các cơ sở GD Đại học				
-	Tỷ lệ cơ sở hiện đầy đủ nội dung, chương trình GDTC	%			
-	Tỷ lệ cơ sở đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá GDTC	%			
-	Tỷ lệ SV thực hiện đầy đủ nội dung, chương trình GDTC	%			
-	Tỷ lệ SV được đánh giá, phân loại thể lực theo quy định	%			
-	Tỷ lệ SV đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực theo quy định	%			
2.6	<i>Hoạt động thể thao ngoại khóa</i>				
2.6.1	Trong các cơ sở giáo dục mầm non				
-	Tỷ lệ cơ sở đảm bảo thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ thường xuyên	%			
-	Tỷ lệ cơ sở tổ chức dạy võ cổ truyền	%			
-	Tỷ lệ cơ sở thực hiện Chương trình sức khỏe VN	%			
2.6.2	Trong các cơ sở giáo dục phổ thông				
-	Tỷ lệ cơ sở có hoạt động thể thao ngoại khóa thường xuyên	%			
-	Tỷ lệ HS tập luyện TDTT ngoại khóa thường xuyên	%			
-	Tỷ lệ HS đạt tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại thể lực theo tiêu chuẩn	%			
-	Tổng số cơ sở có CLB TDTT	Câu lạc bộ			
-	Tỷ lệ cơ sở tổ chức dạy võ cổ truyền	%			
-	Tỷ lệ cơ sở tổ chức dạy bơi	%			



TT	NỘI DUNG	ĐVT	2011	2015	2020
-	Tỷ lệ cơ sở đảm bảo thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ thường xuyên	%			
2.6.3	Trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp				
-	Tỷ lệ cơ sở có hoạt động thể thao ngoại khóa thường xuyên	%			
-	Tỷ lệ HS tập luyện TDTT ngoại khóa thường xuyên	%			
-	Tổng số cơ sở có CLB TDTT	Câu lạc bộ			
-	Tỷ lệ cơ sở tổ chức dạy võ cổ truyền	%			
-	Tỷ lệ cơ sở đảm bảo thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ thường xuyên	%			
2.6.4	Trong các cơ sở GD Đại học				
-	Tỷ lệ cơ sở có hoạt động thể thao ngoại khóa thường xuyên	%			
-	Tỷ lệ SV tập luyện TDTT ngoại khóa thường	%			
-	Tỷ lệ SV đạt tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại thể lực theo tiêu chuẩn	Sinh viên			
-	Tổng số cơ sở có CLB TDTT	Câu lạc bộ			
-	Tỷ lệ cơ sở tổ chức dạy võ cổ truyền	Cơ sở			
-	Tỷ lệ cơ sở đảm bảo thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ thường xuyên	Cơ sở			
2.7	<i>Cơ sở vật chất phục vụ GDTC, thể thao ngoại khóa</i>	<i>Công trình</i>			
2.7.1	Trong các cơ sở giáo dục mầm non				
-	Phòng học GDTC	Phòng			
-	Sân chơi	Sân			
2.7.2	Trong các trường tiểu học				
-	Nhà tập (nhà đa năng) đạt tiêu chuẩn	Nhà			
-	Sân tập luyện TDTT	Sân			
-	Bể bơi	Bể			
2.7.3	Trong các trường THCS				
-	Nhà tập (nhà đa năng) đạt tiêu chuẩn	Nhà			
-	Sân tập luyện TDTT	Sân			
-	Bể bơi	Bể			
2.7.4	Trong các trường THPT				
-	Nhà tập (nhà đa năng) đạt tiêu chuẩn	Nhà			
-	Sân tập luyện TDTT	Sân			
-	Bể bơi	Bể			
2.7.5	Trong các cơ sở GD nhiều cấp học				
-	Nhà tập (nhà đa năng) đạt tiêu chuẩn	Nhà			
-	Sân tập luyện TDTT	Sân			
-	Bể bơi	Bể			
2.7.6	Trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp				

TT	NỘI DUNG	ĐVT	2011	2015	2020
-	Nhà tập (nhà đa năng) đạt tiêu chuẩn	Nhà			
-	Sân tập luyện TDTT	Sân			
-	Bể bơi	BỂ			
2.7.7	Trong các cơ sở GD Đại học				
-	Nhà tập (nhà đa năng) đạt tiêu chuẩn	Nhà			
-	Sân tập luyện TDTT	Sân			
-	Bể bơi	BỂ			
<b>3</b>	<b>Phong trào TDTT lực lượng vũ trang</b>				
3.1	Tổng số đơn vị, cơ sở				
-	Tổng số đơn vị, cơ sở Công an nhân dân	Đơn vị			
-	Tổng số đơn vị, cơ sở Quân đội nhân dân	Đơn vị			
3.2	Chương trình rèn luyện thể lực CBCS theo quy định				
3.2.1	Công an nhân dân				
-	Tỷ lệ đơn vị thực hiện đủ chương trình RLTL CBCS theo quy định	%			
-	Tỷ lệ đơn vị đạt tiêu chuẩn tổ chức rèn luyện thể lực theo quy định	%			
-	Tỷ lệ CBCS tham gia rèn luyện thể lực theo quy định	%			
-	Tỷ lệ CBCS đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực theo quy định	%			
3.2.2	Quân đội nhân dân	%			
-	Tỷ lệ đơn vị thực hiện đủ chương trình RLTL CBCS theo quy định	%			
-	Tỷ lệ đơn vị đạt tiêu chuẩn tổ chức rèn luyện thể lực theo quy định	%			
-	Tỷ lệ CBCS tham gia rèn luyện thể lực theo quy định	%			
-	Tỷ lệ CBCS đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực theo quy định	%			
-	Tỷ lệ đơn vị thực hiện đủ chương trình RLTL CBCS theo quy định	%			
3.3	Hoạt động thể thao thường xuyên				
3.3.1	Công an nhân dân				
-	Tỷ lệ đơn vị tổ chức hoạt động thể thao thường xuyên	%			
-	Tỷ lệ cán bộ, chiến sỹ biết bơi	%			
-	Tổng số đơn vị có câu lạc bộ TDTT	Câu lạc bộ			
-	Tổng số đội bóng đá	Đội			
-	Tổng số cuộc thi đấu TDTT cấp đơn vị, cơ sở tổ chức	Cuộc			

TT	NỘI DUNG	ĐVT	2011	2015	2020
-	Số cuộc tham gia thi đấu do ngành TDTT tổ chức	Cuộc			
-	Tổng số cán bộ, chiến sỹ tham gia Ngày chạy	CBCS			
3.3.2	Quân đội nhân dân				
-	Tỷ lệ đơn vị tổ chức hoạt động thể thao thường xuyên	%			
-	Tỷ lệ cán bộ, chiến sỹ biết bơi	%			
-	Tổng số đơn vị có câu lạc bộ TDTT	Câu lạc bộ			
-	Tổng số đội bóng đá	Đội			
-	Tổng số cuộc thi đấu TDTT cấp đơn vị, cơ sở tổ chức	Cuộc			
-	Số cuộc tham gia thi đấu do ngành TDTT tổ chức	Cuộc			
-	Tổng số cán bộ, chiến sỹ tham gia Ngày chạy	CBCS			
3.4	<i>Cơ sở, vật chất phục vụ hoạt động TDTT</i>	<i>Công trình</i>			
3.4.1	Công an nhân dân				
-	Nhà tập (nhà đa năng) đạt tiêu chuẩn	Nhà			
-	Sân tập luyện TDTT	Sân			
-	Bể bơi	Bể			
3.4.2	Quân đội nhân dân				
-	Nhà tập (nhà đa năng) đạt tiêu chuẩn	Nhà			
-	Sân tập luyện TDTT	Sân			
-	Bể bơi	Bể			
<b>II.</b>	<b>Các tổ chức xã hội nghề nghiệp về thể dục thể thao</b>				
2.1	Tổng số Liên đoàn, Hiệp hội thể thao được thành lập	Liên đoàn, hiệp hội			
2.2	Tổng số tổ chức xã hội nghề nghiệp về thể dục thể thao tham gia bồi dưỡng chuyên môn thể dục thể thao	Tổ chức			
2.3	Tổng số liên đoàn, hiệp hội thể thao tham gia điều hành hoạt động thể thao	Tổ chức			
2.4	Tổng số các tổ chức xã hội, doanh nghiệp tham gia tài trợ hoạt động thi đấu thể dục, thể thao trường học	Tổ chức			
<b>III.</b>	<b>Tổng số nguồn lực huy động từ các tổ chức, tổ chức xã hội, cá nhân</b>	<b>Tỷ đồng</b>			

**PHỤ LỤC**

(Kèm theo Công văn số 2916/SVHTT-QLTDTT ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN, HUYỆN, TX CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /BC-UBND

.....ngày.....tháng.....năm 2020

**BÁO CÁO SỐ LIỆU**

**Đánh giá phong trào thể dục, thể thao quần chúng  
trên địa bàn quận, huyện, thị xã năm 2020**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội

TT	Nội dung	Chỉ số năm liền trước năm đánh giá	Chỉ số năm đánh giá	Chỉ số phần đầu năm đánh giá	Tỷ lệ so sánh	
					(e) = (d) - (c)	(g) = (d) : (d) x 100(%)
(a)	(b)	©	(d)	(d)	(e) = (d) - (c)	(g) = (d) : (d) x 100(%)
<b>I</b>	<b>Số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên</b>					
1.1	Tổng số dân trên địa bàn					
1.2	Tổng số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên					
1.3	Tỷ lệ % = (Tổng số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên/tổng số dân trên địa bàn x 100(%))					
<b>II</b>	<b>Số gia đình thể thao</b>					
2.1	Tổng số hộ gia đình trên địa bàn					
2.2	Tổng số gia đình thể thao					
2.3	Tỷ lệ % = (Tổng số gia đình thể thao/tổng số hộ gia đình trên địa bàn) x 100 (%)					
<b>III</b>	<b>Số cộng tác viên thể dục, thể thao</b>					
3.1	Tổng số cộng tác viên thể dục, thể thao thực hiện nhiệm vụ được giao					
3.2	Tỷ lệ % = (tổng số cộng tác viên thể dục, thể thao/tổng số dân trên địa bàn) x 100(%)					

2

<b>IV</b>	<b>Số câu lạc bộ thể thao</b>					
4.1	Tổng số câu lạc bộ thể thao cơ sở ở khu dân cư					
4.2	Tổng số câu lạc bộ thể thao cơ sở ở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp					
4.3	Tổng số cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao trên địa bàn					
4.4	Tổng số câu lạc bộ thể thao cơ sở và cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao trên địa bàn (tổng các mục 4.1; 4.2 và 4.3)					
<b>V</b>	<b>Số công trình thể thao</b>					
5.1	Tổng số nhà tập luyện, nhà thi đấu thể thao (tổng các mục 5.1.1 và 5.1.2)					
5.1.1	Tổng số nhà tập luyện, thi đấu thể thao đa năng					
5.1.2	Tổng số nhà tập luyện, thi đấu thể thao đơn môn					
5.2	Tổng số bể bơi (tổng các mục 5.2.1; 5.2.2 và 5.2.3)					
5.2.1	Tổng số bể bơi có chiều dài 50m					
5.2.2	Tổng số bể bơi có chiều dài 25m					
5.2.3	Tổng số các loại bể bơi khác					
5.3	Tổng số sân tập luyện, thi đấu thể thao ngoài trời (tổng các mục 5.3.1; 5.3.2; 5.3.3; 5.3.4; 5.3.5; 5.3.6; 5.3.7 và 5.3.8)					
5.3.1	Tổng số sân vận động có khán đài					
5.3.2	Tổng số sân vận động không có khán đài					
5.3.3	Tổng số sân Bóng đá mi ni					
5.3.4	Tổng số sân Bóng chuyền					
5.3.5	Tổng số sân Bóng rổ					
5.3.6	Tổng số sân Cầu lông					
5.3.7	Tổng số sân Quần vợt					
5.3.8	Tổng số các loại sân tập luyện, thi đấu thể thao khác					
5.4	Tổng số công trình thể thao đang sử dụng cho hoạt động thể dục, thể thao trên địa bàn (tổng các mục 5.1; 5.2 và 5.3)					

2

<b>VI</b>	<b>Số giải thể thao tổ chức hàng năm:</b>					
6.1	Tổng số giải thể thao quần chúng do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tổ chức					
6.2	Tổng số giải thể thao quần chúng do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tổ chức					
6.3	Tổng số giải thể thao quần chúng do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học, đơn vị lực lượng vũ trang và các tổ chức khác tổ chức					
6.4	Tổng số giải thể thao quần chúng được tổ chức trên địa bàn (tổng các mục 6.1; 6.2; và 6.3)					

**Nơi nhận:**

Như trên;  
Lưu VT,...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**  
(Chữ ký, dấu)